TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Cao Thành Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. N đơn: Chị Võ Thị Được, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm N đơn chị Võ Thị Được trình bày:

Vào năm 2017 chị Đ và anh Trần Xuân N qua quen biết nên đã kết hôn có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 05/3/2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2018. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Trần Nam T, sinh ngày 20/8/2018 hiện đang sống chung với anh Trần Xuân N.

Sau khi cưới chị Đ và anh N về sinh sống chung với cha mẹ anh N ở ấp Thanh Thủy, xã An Phước, huyện Mang Thít. Chung sống hạnh phúc được một

thời gian thì đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên đến tháng 10/2021 chị Đ bỏ nhà đi ra ở trọ sinh sống và đã ly thân kể từ đó cho đến nay không có đoàn tụ trở lại.

Nay chị Đ cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Trần Xuân N.

- Về con chung: Chị Đ đồng ý giao con chung Trần Nam T, sinh ngày 20/8/2018 cho anh Trần Xuân N nuôi dưỡng, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã thông báo cho bị đơn anh Trần Xuân N biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của chị Đ. Nhưng anh Trần Xuân N không có văn bản trả lời và vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời đều vắng mặt tại các phiên tòa mặc dù đã được tống đạt triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và hòa giải cho các đương sự được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú tại xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tiến hành tố tụng xét xử vụ án, mặc dù đã được triệu tập tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét, giữa chị Đ và anh N chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh N là hợp pháp. Chị Đ cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, N nhân là do tính tình không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được, nên đến tháng 10/2021 chị Đ bỏ nhà đi ra ở trọ sinh sống và đã ly thân kể từ đó cho đến nay không có đoàn tụ trở lại, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, anh N không đến phiên tòa, thể hiện anh N đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này cũng chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh N là có căn cứ, phù

hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Đ tự nguyện giao con chung Trần Nam T, sinh ngày 20/8/2018 cho anh Trần Xuân N nuôi dưỡng; xét cháu Trần Nam T hiện do anh N nuôi dưỡng, cháu vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, giao cháu Trần Nam T cho anh Trần Xuân N nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N chưa yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: N đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn Võ Thị Được.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho N đơn chị Võ Thị Được được ly hôn với bị đơn anh Trần Xuân N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Nam T, sinh ngày 20/8/2018 cho bị đơn anh Trần Xuân N nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

4. Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

5. Về án phí: N đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà N đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số: 0007025 ngày 01/4/2022. N đơn không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Bích